

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2023/DS-PT

Ngày: 18-04-2023

V/v tranh chấp thừa kế quyền sử  
dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

*Các Thẩm phán:* ông Nguyễn Văn Cảnh

bà Huỳnh Thị Hồng Vân

***- Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 525/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐ-PT ngày 03/03/2023, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1966; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

***- Bị đơn:*** bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985; địa chỉ: số 144 Khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

***- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:***

1. Ông Nguyễn Thanh Hồng E, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện Đ1, tỉnh Long An.

2. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Đ1, tỉnh Long An.

***- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Đ1, tỉnh Long An.

2. Ông Phạm Minh V, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp S1, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Dương Thị M, sinh năm 1945; địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Đ1, tỉnh Long An.

4. Ông Lê Văn N, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Long An.

5. Ông Tống Tiến T, sinh năm 1980; địa chỉ: số 18 Đường số 1, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Phan Văn R, sinh năm 1950,

7. Ông Phan Văn T, sinh năm 1957,

8. Ông Phan Văn T1, sinh năm 1959,

9. Ông Phan Văn B, sinh năm 1968,

10. Ông Phan Văn K, sinh năm 1971,

Cùng địa chỉ: ấp S3, xã A, huyện Đ1, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo*: nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Mỹ L; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Thanh Hồng E và bà Nguyễn Thị Kim C.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ghi ngày 22 tháng 02 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:*

Ông bà nội của bà L là cụ Nguyễn Văn L (không nhớ năm chết) và cụ Võ Thị N (chết năm 1998). Cụ L, cụ N không để lại di chúc.

Cụ L, cụ N có hai con chung là ông Nguyễn Văn B (chết năm 1968) và bà Nguyễn Thị H (chết năm 2013).

Ông Nguyễn Văn B có vợ là bà Võ Thị R (chết năm 2006). Ông B, bà R có 04 con, gồm: Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thanh Hồng E, Nguyễn Thị Kim C và Nguyễn Văn H. Ông H chết ngày 20/5/2021, có vợ tên là Nguyễn Thị A và có 2 con là Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Văn S (chết năm 2006, không có vợ con).

Bà Nguyễn Thị H có chồng là ông Phan Văn Đ (đã chết). Bà H và ông Đ có 06 con, gồm: Phan Văn T1, Phan Văn R, Phan Văn T, Phan Văn B, Phan Văn K và Phan Văn N (đã chết, không có vợ con).

Nguồn gốc 02 thửa đất số 65 và 81, cùng tờ bản đồ số 2 xã A, huyện Đ1, tỉnh Long An, là của Cụ L, cụ N. Do cha mẹ bà L chết sớm, nên các anh chị em của bà L sống cùng ông bà nội, cùng canh tác trên phần đất này. Ông H đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó Ông H tặng cho toàn bộ phần đất trên cho con gái là Nguyễn Thị Thu H.

Hiện nay, bà Nguyễn Thị A đang trực tiếp quản lý, sử dụng hai thửa đất nêu trên. Trên đất có căn nhà và cây trồng, bà L không tranh chấp, chỉ yêu cầu bà H chia cho bà L phần đất có chiều ngang 5m, chiều dài hết đất đến mé sông khoảng 100m.

*Bị đơn, bà Nguyễn Thị Thu H trình bày như sau:*

Bà thống nhất với trình bày của bà L về mối quan hệ huyết thống, các con, cháu của Cụ L, cụ N.

Bà H và ông Phạm Minh V đã ly hôn tại Bản án số 34/2022/HNGĐ – ST ngày 28/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai. Nguồn gốc 02 thửa đất số 65 và 81, cùng tờ bản đồ số 2 xã A, huyện Đ1 là của cha bà H, cho riêng bà H vào năm 2020. Bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/10/2020. Hiện nay, bà H để phần đất này cho bà A quản lý, sử dụng.

Bà H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà L, Bà C, Ông Hồng E.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

*Theo đơn yêu cầu độc lập cùng ghi ngày 09/6/2021, bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Thanh Hồng E trình bày:*

Ông, bà thống nhất với trình bày của bà L về mối quan hệ huyết thống, các con, cháu của Cụ L, cụ N và nguồn gốc, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà H đối với 02 thửa đất số 65 và 81, cùng tờ bản đồ số 2 xã A. Bà C và ông Hồng E chỉ yêu cầu bà H chia cho mỗi người  $\frac{1}{4}$  diện tích đất thửa 65 và thửa 81, không tranh chấp đối với căn nhà và cây trồng có trên đất.

*Bà Nguyễn Thị A trình bày:*

Bà A và ông H kết hôn năm 1985. Bà thống nhất với trình bày của bà L về mối quan hệ huyết thống, các con, cháu của cụ L, cụ N, nhưng hai cụ đã chết trước khi bà về làm dâu. Bà C và bà L sống với bà R ở Hiệp Hòa, ông Hồng E sống bên vợ.

Bà A và ông H có 02 người con là Nguyễn Minh S (chết, không có vợ con) và Nguyễn Thị Thu H. Từ khi kết hôn, bà và ông H cùng sử dụng thửa đất số 65 và 81. Ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất “giấy trắng” và sau đó đổi sang “giấy đỏ”. Hiện nay, bà H là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn bà là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Bà C nghe ông H nói là cho bà L 05m ngang để ở chứ không sang tên, nhưng sau đó bà L yêu cầu sang tên cho bà L để bán thì ông H không đồng ý. Nay, bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L, ông Hồng E và Bà C.

*Ông Phạm Minh V vắng mặt, không có văn bản trình bày.*

*Bà Dương Thị M trình bày:* bà là chủ sử dụng thửa đất số 51, tờ bản đồ số 2 xã A. Bà thống nhất về hiện trạng sử dụng, ranh giới đất giữa bà với bà H và không có yêu cầu gì. Bà M xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

*Ông Tống Tiến T và ông Lê Văn N trình bày như sau:* ông T và ông N là chủ

sử dụng thửa đất số 66, tờ bản đồ số 2 xã A. Ông T, ông N thống nhất về hiện trạng sử dụng, ranh giới đất giữa hai ông với bà H và không có yêu cầu gì. Ông T và ông N xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án các cấp.

*Ông Phan Văn T1 trình bày:*

Ông thống nhất với trình bày của bà L về mối quan hệ huyết thống, các con, cháu của cụ L, cụ N. Nguồn gốc 02 thửa đất số 65 và 81, cùng tờ bản đồ số 2 xã A là của cụ L và cụ N. Cụ N có nuôi 04 người con của ông B là ông H (anh), Hồng E, bà L, bà C từ nhỏ. Sau khi cụ N, cụ L chết có để lại cho ông H phần đất trên để lo thờ tự ông bà. Nay, ông T1 không có yêu cầu gì trong vụ án, nên ông T1 xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án các cấp.

Tòa án cấp sơ thẩm đã hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã xử:

*Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L; không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Thanh Hồng E đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H về việc tranh chấp “Về thừa kế tài sản”.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 04/10/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Thanh Hồng E kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: bà yêu cầu xem xét lại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, bởi vì trước khi bà H được cấp giấy thì bà đã gửi đơn đến UBND xã để tranh chấp với ông H. Cụ Võ Thị N đã chết năm 1984, không phải năm 1998 như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Bà đã ở trên đất từ nhỏ cho đến năm 1985 khi lấy chồng mới theo về bên nhà chồng sinh sống. Đất của ông, bà nội của bà để lại, nên bà yêu cầu bà H chia cho bà diện tích 5m chiều ngang, chiều dài hết đất để cất nhà ở thờ cúng ông bà. Hiện nay, các người con của Bà H là Phan Văn T, Phan Văn T1, Phan Văn B, Phan Văn K mỗi người đều có nhà riêng ở xã A, huyện Đ1, còn ông Phan Văn R ở tỉnh khác nhưng bà không biết địa chỉ.

Ông Nguyễn Thanh Hồng E trình bày: bà nội của ông là cụ Võ Thị N đã chết năm 1984. Ông ở cùng ông bà nội từ nhỏ cho đến khi đi bộ đội năm 1986, sau đó xuất ngũ về sống bên vợ. Đất là của ông bà nội của ông để lại, nên yêu cầu được chia  $\frac{1}{4}$  diện tích.

Bà Nguyễn Thị Kim C trình bày: bà nội của bà đã chết năm 1984. Bà ở cùng ông bà nội từ nhỏ cho đến năm 1987 khi lấy chồng mới theo về bên nhà chồng sinh sống. Đất là của ông bà nội của bà để lại, nên yêu cầu được chia  $\frac{1}{4}$  diện tích.

Bà Nguyễn Thị A trình bày: bà L, bà C và ông Hồng E đã được chia đất của ông, bà xong, riêng phần đất đang tranh chấp là của ông H được chia để thờ cúng ông nội là cụ L, ông H đã được cấp “giấy trắng” trước khi đổi sang “giấy đỏ” nên bà không đồng ý với yêu cầu của bà L, bà C và ông Hồng E.

Bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: từ trước đến nay, cha mẹ của bà và bà vẫn thực hiện việc thờ cúng ông bà, nên không đồng ý yêu cầu của bà L, Bà C và ông Hồng E.

**Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bà L, ông Hồng E, bà C đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: ngày 30/10/1997, ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông H sử dụng đất ổn định, cụ L, cụ N (chết năm 1984), ông B, bà R không tranh chấp gì với ông H. Bà L, ông Hồng E và bà C đã không sử dụng đất từ năm 1985-1987 đến nay. Trước khi ông H được cấp giấy chứng nhận, ông H đã đứng tên trên sổ địa chính. Đất đã được cấp giấy chứng nhận cho ông H thì không còn là di sản thừa kế của cụ L và cụ N, nên đề nghị bác kháng cáo của bà L, ông Hồng E và bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Kháng cáo của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Mỹ L; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Thanh Hồng E và bà Nguyễn Thị Kim C thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà L, Ông Hồng E và bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: bà L, Ông Hồng E và bà C khởi kiện yêu cầu được chia di sản là quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Văn L và cụ Võ Thị N để lại. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất, đưa các con, cháu của cụ L và cụ N tham gia tố tụng là có căn cứ và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 và Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: bà L, ông Hồng E và bà C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ vụ án.

[4] Các đương sự tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất gồm 02 thửa số 65 và 81, cùng tờ bản đồ số 2 xã A, huyện Đ1, tỉnh Long An.

[5] Về quá trình đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 65 và 81 tờ bản đồ số 02 xã A:

[5.1] Theo UBND xã A cung cấp thông tin, cụ Nguyễn Văn L, cụ Võ Thị N,

ông Nguyễn Văn B, bà Võ Thị R và bà Nguyễn Thị H không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 65 và 81 (bút lục 194).

[5.2] Theo tài liệu do UBND xã A cung cấp cho Tòa cấp sơ thẩm là Sổ Địa chính, quyển số 2 ấp A được UBND xã A lập ngày 19/7/1998, được Sở Địa chính duyệt ngày 04/08/1998, ông Nguyễn Văn H có đăng ký sử dụng thửa 81 loại đất cây lâu năm (LN) diện tích 5.790m<sup>2</sup> và thửa 65 loại đất thổ (T) diện tích 396m<sup>2</sup>; ngày đăng ký: 06/05/1998 (bút lục 192, 193). Như vậy, nội dung xác nhận của UBND xã A tại Công văn số 88/CV - UBND ngày 28/7/2022 về việc “*trước khi ông Nguyễn Văn H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông H đã đứng tên trong sổ địa chính (có kèm theo bản sao sổ địa chính)*” là không đúng, bởi lẽ, trước đó ngày 30/10/1997, ông Nguyễn Văn H đã được UBND huyện Đ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: L 511844, vào sổ cấp giấy chứng nhận số: 353 QSD Đ/0703 LA, gồm thửa 81 loại đất cây lâu năm (LN) diện tích 5.790m<sup>2</sup> và thửa 65 loại đất thổ (T) diện tích 396m<sup>2</sup> (bút lục 122).

[5.3] Bà A cho rằng ông H và các em của ông H đã được ông, bà chia đất cho mỗi người để chia nhau thờ cúng ông bà; trước khi ông H được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu trung ương (giấy đỏ), ông H đã được cấp giấy chứng nhận đất đai theo mẫu của tỉnh Long An (giấy trắng), nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Trong hồ sơ vụ án không còn tài liệu, chứng cứ gì khác chứng minh ông H đã đứng tên trong sổ địa chính trước khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5.4] Ngày 08/09/2020, ông H và bà Nguyễn Thị A ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) cho bà Nguyễn Thị Thu H (các bút lục 125-127). Ngày 14/10/2020, bà Nguyễn Thị Thu H được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 745790 đối với thửa đất số 81, loại đất trồng cây lâu năm, diện tích 4.430m<sup>2</sup> và số CY 745791 đối với thửa đất số 65, loại đất thổ (T) diện tích 396m<sup>2</sup> (bút lục 133, 134).

[5.5] Tại Công văn số 6763/UBND-NC ngày 27/6/2022 của UBND huyện Đ1 thể hiện: “theo lưu trữ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn H (năm 1998) không thể hiện nguồn gốc đất (bút lục 191). Hồ sơ vụ án thể hiện (bút lục 86) và theo sự thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, thửa 65 và thửa 81 có nguồn gốc là cụ Nguyễn Văn L (không nhớ năm chết) và cụ Võ Thị N (chết năm 1984).

[6] Ngày 22/02/2021, bà L khởi kiện yêu cầu được chia di sản thừa kế của cụ L và cụ N là quyền sử dụng đất thửa 65 và thửa 81.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa các con của bà H, gồm các ông Phan Văn T, Phan Văn T1, Phan Văn B, Phan Văn K và ông Phan Văn R tham gia tố tụng là đúng quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng lại không tổng đạt hợp lệ cho những đương sự này các văn bản tố tụng của Tòa án về vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của các đương sự này trong vụ án, theo

quy định tại Điều 70, Điều 171, Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, cần thu thập thêm chứng cứ về việc ông H kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 02 thửa đất số 65 và 81, từ đó, mới đủ căn cứ vững chắc xác định việc ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có đúng trình tự, thủ tục, đối tượng sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hay không? Nếu việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H là đúng, thì ông H mới có quyền thực hiện các quyền hợp pháp của người sử dụng đất được Nhà nước công nhận và bảo vệ, trong đó có quyền tặng cho tài sản. Do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, mà không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm, nên cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: do hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại nên bà L, ông Hồng E và bà C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự
2. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Thanh Hồng E và bà Nguyễn Thị Kim C.
3. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.
4. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: sẽ được giải quyết khi vụ án được giải quyết lại.
5. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Thanh Hồng E và bà Nguyễn Thị Kim C không phải chịu và được hoàn trả tạm ứng án phí mỗi người là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu số 0000136, 0000137 và 0000138 cùng ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ1, tỉnh Long An.
6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Ngọc Hoàng Đình Thục**

